

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày
28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trung Tâm Y tế Đak Pơ
Chương: 423

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện năm 2025	Thực hiện năm 2024	Thực hiện năm nay/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí					
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	21.593,91	21.028,52	18.494,41	97,4%	113,7%
I	Nguồn ngân sách trong nước	21.593,91	21.028,52	18.494,41	97,4%	113,7%
1	Chi quản lý hành chính					
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
-	<i>Kinh phí phòng chống tác hại thuốc lá</i>					
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ	499,55	460,20		92,1%	
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	499,55	460,20		92,1%	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề					
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	21.045	20.519	18.442	97,5%	111,3%
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	17.827	17.374	15.721	97,5%	110,5%
-	Bệnh viện	6.023	6.023	5.226	100,0%	115,3%
-	Y tế xã	6.981	6.944	6.608	99,5%	105,1%
-	Dự phòng	3.125	2.709	2.416	86,7%	112,1%
-	Dân số	1.698	1.698	1.471	100,0%	115,4%
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.217,37	3.144,76	2.720,92	97,7%	115,6%
-	Kinh phí mua sắm sửa chữa	1.001,00	997,86	839,85	99,7%	118,8%
-	Kinh phí đãi ngộ, thu hút bác sĩ	219,60	201,60		91,8%	
-	Nghị định 76/2019/NĐ-CP (Y tế xã)	594,93	594,93	392,43	100,0%	151,6%
-	Nghị định 76/2019/NĐ-CP (Dân số)	111,00	111,00	88,47	100,0%	125,5%
-	Cộng tác viên dân số	202,07	202,07	290,10	100,0%	69,7%
-	Hỗ trợ sinh con đúng chính sách	4,00	4,00	14,00	100,0%	28,6%
-	Duy trì nâng cao kết quả thực hiện CTMT dân số	269,49	218,22	327,65	81,0%	66,6%
-	Đề án chăm sóc người cao tuổi, truyền thông dân số	46,81	46,79	27,38	100,0%	170,9%
-	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	117,27	117,27	240,72	100,0%	48,7%
-	Quỹ tiền thưởng	531,20	531,20	500,32	100,0%	106,2%
-	Quỹ phòng chống bão lũ	120,00	119,82		99,9%	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện năm 2025	Thực hiện năm 2024	Thực hiện năm nay/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
5	Chi sự nghiệp kinh tế	2,16	2,16	16,84	100,0%	12,8%
6	Tài chính và khác	47,40	47,40	35,65	100,0%	133,0%
II	Nguồn vốn viện trợ					
III	Nguồn vay nợ nước ngoài					

